

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 883/2022/HS-PT
Ngày: 16/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;
Ông Đặng Đình Lục.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 990/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Nguyễn Văn A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn A, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn N, huyện Y, tỉnh H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hoá: 12/12; con ông: Đàm Đức M, sinh năm 1959 và bà: Vũ Thị H, sinh năm 1961; có vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986 và có 2 con chung (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Ong Thị T, Văn phòng Luật sư V, Đoàn luật sư tỉnh H. Địa chỉ: số 120, đường H, phường H, thành phố H, tỉnh H.

Người bị hại:

1-2: Anh LVT, sinh năm 1971 và chị DTL, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

3-4. Anh HVT, sinh năm 1983 và chị NTH, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

5-6. Anh NVL, sinh năm 1990 và chị NTKD, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn N, huyện Y, tỉnh H. Có mặt chị NTKD tại phiên tòa.

7. Họ tên: Anh ĐVT, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà 80, đường Nguyễn D, tổ 4, phường, thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đều vắng mặt):

1. Anh THT, sinh năm 1982;

2. Chị NTH, sinh năm 1984;

Cùng Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn N, huyện Y, tỉnh H. Đều vắng mặt.

3. Chị NTT, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn , huyện Y, tỉnh H.

4. Anh VVC, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Bò, xã GGD, huyện Y, tỉnh H.

5. Họ tên: Anh NVN, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện Y, tỉnh H.

6. Anh NVP, sinh năm 1980.

7. Họ tên: Chị NTA, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn Hồng Giang, xã GGD, huyện Y, tỉnh H.

8. Anh NĐN, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn N, huyện Y, tỉnh H.

9. Anh OTC, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn N, huyện Y, tỉnh H.

10. Anh TVC Nguyễn

Địa chỉ: Số nhà 65, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố H, tỉnh H.

11. Bà Vũ Thị HT, sinh năm 1961

12. Chị Nguyễn Thị Thu HT, sinh năm 1986

Cùng Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn N, huyện Y, tỉnh H.

Người làm chứng: 29.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 15/3/2020, Nguyễn Văn A đã 4 lần thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản như sau:

1. Chiếm đoạt của anh LVT, xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner BKS 12A-084.65 trị giá 416.304.000 đồng

Ngày 18/11/2019, A đến nhà anh Toàn đặt vấn đề thuê xe ô tô tự lái. Anh Toàn đồng ý cho A thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner BKS 12A-084.65, giá thuê 37.000.000 đồng/tháng. Do anh Toàn không đăng ký kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái nên A viết giấy mượn xe. Tại giấy mượn xe này, A ghi mượn xe đi công việc gia đình từ ngày 18/11/2019 đến ngày 18/12/2019, cam kết xe mượn để đi lại gia đình, không cầm cố vay mượn, A ký tên, điền chỉ vào giấy mượn xe rồi giao cho A.

Sau khi thuê được xe, A đến nhà VVC nhờ cầm cố xe ô tô. Anh Cảnh gọi điện cho NVP, sinh năm 1980 ở thôn Hồng Giang, xã GGD đến để cầm cố xe. Anh Phó và A thống nhất cầm cố xe với giá 400.000.000 đồng. Do anh Phó yêu cầu A viết với hình thức là giấy bán xe nên A đã viết giấy bán xe rồi đưa cho anh Phó giữ.

Theo A khai sử dụng 400.000.000 đồng là số tiền cầm xe để trả anh Cảnh 140.000.000 đồng; trả anh Toàn 37.000.000 đồng; trả anh Phó 77 triệu (trong đó có 15 triệu cắt lãi); trả Lê Huy Hùng, 20.000.000 đồng; trả Lưu Văn Thắng 10.000.000 đồng; trả chị DTL (vợ anh Toàn) 148.000.000 đồng; số tiền còn lại A sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi hết hạn thuê xe, anh Toàn nhiều lần yêu cầu A trả xe nhưng A không trả. Anh Toàn tìm hiểu thì biết A đã cầm xe. A xin anh Toàn gia hạn thuê xe để khắc phục hậu quả và được anh Toàn đồng ý. Tính đến ngày 09/3/2020, A đã trả cho anh Toàn tổng số tiền thuê xe là 108.000.000 đồng. Do A không trả được xe nên ngày 29/3/2020 anh Toàn làm đơn tố cáo sau đó nộp cho Công an huyện Y "Giấy mượn xe đề ngày 18/11/2019".

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản và trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của A trên giấy mượn xe ghi ngày 18/11/2019.

Bản kết luận định giá tài sản số 30 ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: *Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fotuner BKS 12A-084.65 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 416.304.000 đồng.*

Bản kết luận giám định số 667/KL-KTHS ngày 29/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận:

- *Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn A là do cùng một người viết, ký ra.*

- *02 dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Người mượn" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A bị mờ nhòe, không đủ điều kiện giám định.*

Trong quá trình điều tra, A khai vào năm 2019 có vay chị DTL là vợ anh Toàn 500.000.000 đồng; anh Toàn đồng ý cho A cầm xe nhưng phải trả nợ chị Linh; anh Toàn hướng dẫn A gặp HVT, sinh năm 1983 trú tại tổ dân phố 2, thị trấn N để chỉ chỗ cầm cố; sau khi cầm xe, A đã trả chị Linh 148.000.000 đồng.

Tuy nhiên, anh Toàn khai không có việc đồng ý cho A mang xe đi cầm cố tài sản. Chị Linh khai không có việc A vay tiền và trả nợ 148.000.000 đồng. Anh Thắng khai không có việc giới thiệu A đi cầm xe. Anh Cảnh khai không biết xe ô tô A cầm cho anh Phở là của anh Toàn. Cơ quan điều tra đã đối chất giữa A và những người nêu trên nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Căn cứ kết quả điều tra không có căn cứ xác định A được anh Toàn đồng ý cho cầm xe như A khai.

Về xác minh nguồn gốc và thu hồi chiếc xe ô tô:

- Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota BKS 12A-084.65 đăng ký tên Vũ Văn Khánh. Ngày 17/6/2019, anh Khánh bán xe cho Đoàn Văn Thành, Anh Thành bán lại cho chị Lê Thị Thùy. Ngày 17/10/2019, chị Thùy bán lại chiếc xe trên cho anh LVT.

- Theo A khai đã trả anh Phở 77.000.000 đồng tiền cầm cố xe ô tô (trong đó có 15.000.000 đồng cắt lãi trước), A có vài lần chuyển tiền qua Nguyễn Văn Dũng, Anh Dũng khai có A đưa 37.000.000 đồng để nhờ chuyển cho anh Phở nhưng không nói lý do chuyển tiền. A khai hiện tại anh Phở đang quản lý chiếc xe ô tô. Anh Phở khai khoảng tháng 3/2020, A đã mua lại chiếc xe trên. Cơ quan điều tra đã đối chất giữa A và anh Phở nhưng các bên giữ nguyên lời khai. Cơ quan CSĐT Công huyện Y đã có công văn gửi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn đề nghị khi có công dân đến làm thủ tục sang tên, đổi chủ thì tạm giữ chiếc xe ô tô trên. Hiện nay, chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fotuner BKS 12A-084.65 chưa thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: A khai đã trả anh Toàn tiền thuê xe là 134.000.000 đồng, anh Toàn khai A đã trả khoảng 108.000.000 đồng. A và anh Toàn khai không viết giấy biên nhận trả tiền thuê xe. Anh Toàn yêu cầu bồi thường giá trị xe ô tô là 500.000.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của anh HVT, sinh năm 1983 trú tại tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện Y chiếc xe ô tô Hyundai Getz BKS 98A-257.76 trị giá 210.218.000 đồng:

Anh Thắng và A có quan hệ quen biết nhau. A biết anh Thắng có dịch vụ cho thuê xe tự lái nên nảy sinh ý định thuê xe ô tô của anh Thắng để cầm cố lấy tiền. Ngày 04/01/2020, A gọi điện thoại cho anh Thắng hỏi thuê xe đi giải quyết công việc gia đình. Anh Thắng không tin tưởng nên yêu cầu A phải có anh NĐN (thường gọi là Nam Tuấn), sinh năm 1985 trú tại Tổ dân phố 5, thị trấn N đứng ra cùng thuê xe với A thì mới cho thuê. A gọi điện nhờ anh Nam đứng ra thuê xe giúp A. Do quen biết từ trước nên anh Nam đồng ý.

Buổi sáng ngày 06/01/2020, A cùng anh Nam đi đến nhà anh Thắng. Tại đây, A thuê của anh Thắng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz BKS 98A-257.76, thời hạn thuê là 15 ngày với giá 10.000.000 đồng. A trả trước anh Thắng 10 triệu tiền thuê xe và 10 triệu tiền đặt cọc. A có viết 01 giấy cam kết ghi nội dung “Hai anh em đi về quê ăn cỗ và cam đoan không cầm, mua bán” sau đó A

và anh Nam ký tên, điểm chỉ.

Buổi trưa cùng ngày, A gọi điện cho NVN (thường gọi là Nam Tiệp), sinh năm 1984 trú tại tổ dân phố 3, thị trấn N cùng đi đến nhà NVP để cầm cố xe. Khi đến nơi, anh Nam ngồi ngoài xe ô tô hút thuốc. A đi vào gặp anh Phó cầm cố xe lấy 150.000.000 đồng. A khai anh Phó cắt lãi trước 4.500.000 đồng nên chỉ nhận số tiền là 145.500.000 đồng. Anh Phó yêu cầu A viết giấy bán xe. Sau khi thỏa thuận xong, A gọi anh Nam vào giúp đếm tiền sau đó hai người đi về.

Theo A khai sử dụng tiền cầm xe để trả 20.000.000 đồng tiền thuê xe cho anh Thắng; trả 70.000.000 đồng tiền thuê xe cho LVT; trả cho chị Hoàng Thu Hà, sinh năm 1983, trú tại thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Y, tỉnh H (là vợ của A) số tiền 45.500.000 đồng; số tiền còn lại A sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi biết A cầm xe ô tô và không chuộc trả lại nên ngày 19/4/2020 anh Thắng làm đơn tố cáo và nộp cho Công an huyện Y "Giấy cam kết thuê, mượn ô tô, xe máy" đề ngày 06/01/2020.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản và trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của A trên "Giấy cam kết thuê, mượn ô tô, xe máy" đề ngày 06/01/2020.

Bản kết luận định giá tài sản số 50 ngày 24/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: *Chiếc xe ô tô BKS 98A-257.76 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 210.218.000 đồng.*

Bản kết luận giám định số 666 ngày 29/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận:

- *Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định (trừ chữ ký, chữ viết mang tên NĐN, HVT dưới mục "Người thuê xe, người cho thuê") so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn A là do cùng một người viết, ký ra.*

- *02 dấu vân màu đỏ (tính từ trái sang phải) in dưới mục "Người thuê xe" trên tài liệu cần giám định bị mờ nhòe, không đủ điều kiện giám định.*

Trong quá trình điều tra, A khai do không có tiền trả nợ tiền thuê xe của anh Toàn nên hỏi anh Thắng thuê xe ô tô đi cầm cố và được anh Thắng đồng ý; sau khi cầm xe A đã trả anh Thắng 20.000.000 đồng. Anh Thắng khai không có việc đồng ý cho A cầm cố xe; A trả 20.000.000 đồng trước khi nhận xe. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất nhưng các bên giữ nguyên lời khai. Căn cứ kết quả điều tra không có cơ sở xác định A được anh Thắng cho mượn xe ô tô để đi cầm cố như A khai.

Về xác minh nguồn gốc và thu hồi chiếc xe ô tô BKS 98A-257.76: Đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Thanh Thuý, sinh năm 1963 ở tiểu khu 2, thị trấn N (là bố vợ anh Thắng) cho vợ chồng anh Thắng.

A khai chiếc xe trên hiện nay anh Phó đang quản lý. Anh Phó khai khoảng

tháng 3/2020 A đã mua lại chiếc xe trên với giá 150.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Hiện nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc xe ô tô trên.

Về trách nhiệm dân sự: A đã nhiều lần trả cho anh Thắng tiền thuê xe tổng số là 45.000.000 đồng. Anh Thắng yêu cầu A bồi thường trị giá chiếc xe ô tô là 220.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của anh NVL, sinh năm 1990 trú tại thôn Kem, thị trấn N, huyện Y chiếc xe ô tô Toyota Vios BKS 98A-272.17 trị giá 494.450.000 đồng:

Ngày 02/02/2020, A đến cửa hàng của anh L đặt vấn đề thuê xe tự lái. A hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 98A-272.17, thời hạn thuê là 15 ngày, giá 700.000 đồng/ngày. Chiếc xe trên đăng ký tên anh L là chủ sở hữu. A viết "Hợp đồng cho thuê ô tô tự lái" theo mẫu do anh L đưa cho, ghi mục đích thuê xe làm phương tiện đi lại trong tỉnh, hết thời hạn thuê xe, A mang xe về cho anh L kiểm tra và gia hạn hợp đồng, A để lại 01 thẻ đăng viên của A.

Sau khi thuê chiếc xe trên, A cho Nguyễn Thế Thịnh, sinh năm 1994 trú tại thôn Hưng Thịnh, xã Tư Mại, huyện Y mượn khoảng 5 đến 7 ngày. Ngày 17/02/2020, A mang xe về cho anh L kiểm tra theo thỏa thuận.

Ngày 19/02/2020, A đặt vấn đề cầm cố xe cho NTT, sinh năm 1971 trú tại thôn Tân Mỹ, xã Cảnh Thụy, huyện Y nhưng chị Tám không nhận cầm cố và giới thiệu A đến gặp vợ chồng THT, sinh năm 1982 và NTH, sinh năm 1984 trú tại Tiểu khu 6, thị trấn N để cầm cố xe. Ngày 21/02/2020, A và chị Tám cùng đến nhà anh Thịnh. Tại đây, A đã cầm cố chiếc xe Toyota Vios, BKS 98A-272.17 cho vợ chồng anh Thịnh vay 350.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/.000.000 đồng/1 ngày, cắt lãi trước 10.500.000 đồng. A viết "Giấy vay tiền đề ngày 21/02/2020" có chữ ký, chữ viết, điểm chỉ của A và để lại 01 Giấy chứng minh thư mang tên A.

Theo A khai sử dụng số tiền trên đưa cho mẹ là Vũ Thị HT 330.000.000 đồng để trả nợ, trả cho anh Vũ Văn Dũng, sinh năm 1991, trú tại thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Y 9.500.000 đồng.

Sau khi thuê xe thì A nhiều lần gia hạn hợp đồng với anh L. Ngày 12/3/2020 khi hết hạn hợp đồng thuê xe, anh L phát hiện định vị trên xe bị cắt nên yêu cầu A mang xe về kiểm tra thì A thừa nhận đã cầm xe, hẹn sẽ mang xe về cho anh L kiểm tra và xin gia hạn hợp đồng đến ngày 28/3/2020 để khắc phục hậu quả.

Ngày 13/3/2020, A nhờ chị Tám liên hệ với anh Thịnh cho mượn xe ô tô để mang cho anh L kiểm tra, anh Thịnh đồng ý. Ngày 13/3/2020, A điều khiển xe ô tô chở chị Tám, chị Hòa đến nhà anh L, A xin gia hạn hợp đồng thuê xe đến ngày 28/3/2020 và được anh L đồng ý. Sau khi làm xong hợp đồng thuê xe, A giao xe cho anh Thịnh tiếp tục quản lý.

Do A không trả xe nên ngày 18/4/2020, anh L làm đơn tố cáo và nộp cho Công an huyện Y 01 Thẻ đăng viên mang tên A; 01 "Hợp đồng cho thuê xe ô tô" đề ngày 13/3/2020.

Anh THT giao nộp cho Công an huyện Y chiếc xe ô tô BKS, bản sao chứng nhận đăng ký xe, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn A và giấy vay tiền đề ngày 21/02/2020.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản và trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của A trên "Hợp đồng cho thuê ô tô, xe máy tự lái" đề ngày 13/3/2020; "Giấy vay tiền" đề ngày 21/02/2020.

Kết luận định giá tài sản số 51 ngày 24/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Chiếc xe ô tô BKS 98A-272.17 có giá trị ở thời điểm bị chiếm đoạt là 494.450.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 668 ngày 29/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H kết luận:

- Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn A là do cùng một người viết, ký ra.

- Dấu vân tay màu đỏ thứ nhất (tính từ trái sang phải) in dưới mục "Đại diện bên B (bên thuê xe)" trên tài liệu cần giám định so với dấu vân ngón "trỏ trái" in trên chỉ bản mang tên Nguyễn Văn A là của cùng một người.

- Dấu vân tay màu đỏ thứ hai (tính từ trái sang phải) in dưới mục "Đại diện bên B (Bên thuê xe)" trên tài liệu cần giám so với dấu vân ngón "trỏ phải" in trên chỉ bản mang tên Nguyễn Văn A là của cùng một người.

Bản kết luận giám định số 1275 ngày 10/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận:

- Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A - trừ chữ ký, chữ viết mang tên THT, NTT dưới mục "Bên cho vay", "Người làm chứng") so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn A là do cùng một người ký, viết ra.

- Dấu vân màu đỏ dưới mục "Bên vay" trên tài liệu cần giám định so với dấu vân tay in tại ô trống phải trên chỉ bản mang tên Nguyễn Văn A gửi giám định là của cùng một người.

Trong quá trình điều tra, A khai sau khi thuê xe ô tô đến ngày 16/02/2020 do cần tiền chi tiêu nên A đã gọi điện cho anh L để xin đem xe đi cầm. Anh L khai không có việc đồng ý cho A mang xe đi cầm. Cơ quan điều tra đã đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Căn cứ kết quả điều tra xác định anh L không đồng ý cho A mang xe đi cầm cố như A khai.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã trả lại chiếc xe ô tô cho anh NVL cùng giấy tờ xe. Anh THT yêu cầu A trả lại số tiền 550.000.000 đồng.

4. Chiếm đoạt của anh ĐVT, sinh năm 1993 ở số nhà 80, đường Nguyễn Doãn Địch, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố H chiếc xe ô tô Kia morning BKS 98A-273.28 trị giá 220.000.000 đồng:

Theo A khai vào cuối tháng 01/2020, A hỏi VVC địa điểm cho thuê xe tự lái. Anh Cảnh điện thoại cho anh T hỏi về việc cho A thuê xe ô tô tự lái thì anh T đồng ý. Theo yêu cầu của anh T nên anh Cảnh dẫn anh T đến nhà A để nếu trường hợp A không trả xe thì anh T biết được địa chỉ để đòi xe.

Sau đó, A liên lạc với anh T thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia morning BKS 98A-273.28, giá 1.500.000 đồng/1 ngày, đặt cọc 20.000.000 đồng. Chiếc xe này của anh TVC Nguyễn, sinh năm 1995 ở số nhà 65, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố H bán lại cho anh T. Sau khi thuê được xe, A đem xe đến đặt vấn đề cầm cố cho chị NTT nhưng chị Tám không nhận cầm cố. Chị Tám giới thiệu A đến cầm cố cho anh THT. Sau đó, A cầm cố chiếc xe ô tô cho anh Thịnh vay 200.000.000 đồng. Theo A khai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 11/3/2020, A cùng với bà Vũ Thị HT (là mẹ A) thỏa thuận với vợ chồng anh Thịnh về việc chuộc xe. A viết giấy vay nợ anh Thịnh số tiền 200.000.000 đồng để chuộc xe ô tô BKS 98A-273.28. Sau khi chuộc xe, A đem xe trả lại anh T.

Ngày 14/3/2020, A liên lạc với anh T để tiếp tục thuê xe ô tô Kia Morning BKS 98A-273.28 đã chuộc trước đó. Ngày 15/3/2020, A vay chị Tám 20.000.000 đồng để thuê xe. Sau đó, A đi đến nhà anh T để thuê xe. Do bận công việc nên anh T bảo A liên hệ với TVC Nguyễn để thuê xe. A viết "Hợp đồng cho thuê xe tự lái" ghi mục đích thuê xe đi lại giao hàng, thời gian thuê từ 15/3/2020 đến 20/3/2020, giá 1.500.000 đồng/ ngày. A đặt cọc số tiền 20.000.000 đồng cho anh Nguyễn.

Buổi tối cùng ngày, A tìm gặp chị Tám rồi cùng đi đến nhà anh Thịnh để cầm cố xe. Vợ chồng anh chị Thịnh nhận ra chiếc xe ô tô này là xe trước đó đã cho A chuộc lại nên không nhận cầm cố. Chị Tám biết chiếc xe trên là xe trước đó A đã đem cầm cố nên không đi cầm cố xe cùng A nữa.

Ngày 17/3/2020, A cầm cố chiếc xe ô tô BKS 98A-273.28 cho OTC, sinh năm 1984 ở Tiểu khu 4, thị trấn N lấy số tiền 210.000.000 đồng. A khai đã sử dụng tiền bán xe để trả chị Tám 20.000.000 đồng, trả anh Nguyễn Huy Hoàn ở thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa 190.000.000 đồng.

Sau khi biết thông tin A bán xe ô tô nên anh T làm đơn tố cáo và giao nộp "Hợp đồng cho thuê xe tự lái đề ngày 15/3/2020". Anh Cường nộp cho Công an huyện Y chiếc xe ô tô BKS 98A-273.28 (kèm theo giấy tờ xe gồm chứng nhận đăng ký xe, chứng nhận kiểm định, chứng nhận bảo hiểm) và 01 giấy bán xe đề ngày 17/3/2020.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản và trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của A trên "Hợp đồng cho thuê xe tự lái đề ngày 15/3/2020" và "Giấy

bán xe đề ngày 17/3/2020".

Bản kết luận định giá tài sản số 356 ngày 22/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: Xe ô tô BKS 98A-273.28 trị giá tại thời điểm ngày 15/3/2020 là 220.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 1291 ngày 11/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận:

Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn A là do cùng một người viết, ký ra.

Trong quá trình điều tra, A khai sau khi thuê xe của anh Nguyễn thì đặt vấn đề đem xe đi cầm và được anh Nguyễn đồng ý. Anh Nguyễn khai không có việc cho A đi cầm cố xe ô tô. Cơ quan điều tra đối chất nhưng các bên giữ nguyên lời khai. Căn cứ kết quả điều tra không có căn cứ xác định anh Nguyễn đồng ý cho A mang xe ô tô đi cầm cố như A khai.

A khai khi cầm cố xe cho anh Cường thì nói là xe thuê của người khác. Anh Cường khai mua xe với giá 250.000.000 đồng, A nói là xe của A mua lại của người khác. Cơ quan điều tra đối chất nhưng các bên giữ nguyên lời khai. Căn cứ kết quả điều tra xác định anh Cường không biết xe ô tô này là do A thuê của người khác đem đi cầm cố.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Công an thành phố H đã trả lại xe ô tô BKS 98A-273.21 cùng giấy tờ xe cho anh T. Anh T yêu cầu A bồi thường 55.000.000 đồng tiền thuê xe. Anh Cường yêu cầu A bồi thường 250.000.000 đồng.

Cáo trạng số 60/CT-VKS-P3 ngày 31/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

[1] Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175; khoản 2 Điều 298 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 12 (mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/9/2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn A.

[2] Về bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 589 BLDS giải quyết việc bồi thường như sau:

** Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải có trách nhiệm bồi thường cụ thể như sau:*

- Bồi thường cho anh LVT số tiền trị giá xe ô tô theo định giá là 416.304.000 đồng (không chấp nhận yêu cầu bồi thường giá trị xe của anh LVT là 500.000.000 đồng).

- Bồi thường cho anh HVT số tiền trị giá xe ô tô theo định giá là 210.218.000 đồng (không chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh HVT trị giá xe là 220.000.000 đồng).

- Bồi thường cho anh THT số tiền 550.000.000 đồng.

- Bồi thường cho anh OTC số tiền 210.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh ĐVT.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn A đã bồi thường cho anh HVT số tiền 210.218.000 đồng và anh LVT số tiền 416.304.000 đồng.

Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí.

Ngày 20/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyễn Văn A khai nhận đã thực hiện các hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm nêu, bị cáo ăn năn hối hận, đã tác động để gia đình nộp thay cho bị cáo toàn bộ các khoản tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên (tiền bồi thường cho anh THT, cho anh OTC; tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm). Bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt để cải tạo tốt, sớm trở về với xã hội.

Luật sư OTT trình bày bản luận cứ bào chữa cho bị cáo với nội dung: Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối hận. Tại cấp sơ thẩm bị cáo đã bồi thường xong 210.218.000 đồng cho anh HVT, 416.304.000 đồng cho anh LVT. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nhờ gia đình trả hết tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm (trả cho anh OTC 210.000.000 đồng, cho anh THT 550.000.000 đồng). Anh Thịnh và anh Cường đều đã làm đơn xác nhận. Bị cáo cũng đã chấp hành xong toàn bộ 2 khoản án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Người bị hại và người liên quan đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm từ 3 đến 4 năm tù so với mức án mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Nguyễn Văn A đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản là 4 chiếc xe ô tô của các bị hại với tổng trị giá 1.340.000.000 đồng, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng. Bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt 12 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, giảm từ 2 đến 3 năm tù so với mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn A khai nhận đã thực hiện các hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan; kết luận giám định, định giá và các chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 15/3/2020, Nguyễn Văn A đã thuê 4 xe ô tô, sau đó mang đi cầm cố lấy tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Cụ thể là ngày 18/11/2019, A thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fotuner BKS 12A-084.65 của anh LVT trị giá 416.304.000 đồng; ngày 06/01/2020, A thuê ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz BKS 98A-275.76 của anh HVT trị giá 210.218.000 đồng; ngày 13/3/2020, A thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 98A-272.17 của anh NVL trị giá 494.450.000 đồng và ngày 15/3/2020, A thuê xe ô tô nhãn hiệu Kiamorning BKS 98A-273.28 của anh ĐVT trị giá 220.000.000 đồng. Hết hạn thuê xe, bị hại có đơn tố giác A. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án và đã thu giữ được 2 xe ô tô (xe anh L và anh T) đã trả lại cho người bị hại; 02 chiếc xe còn lại (của anh Toàn và anh Thắng) cơ quan điều tra không thu hồi được. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Nguyễn Văn A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Khoản 4, Điều 275, Bộ luật Hình sự, là đúng.

[2] Về hình phạt:

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Nguyễn Văn A:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong thời gian làm việc tại cơ quan Nhà nước đã được Chủ tịch UBND huyện Y tặng Giấy khen. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo khai báo thành khẩn. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo tác động đến gia đình bồi thường đầy đủ giá trị 2 xe cho 2 người bị hại và được 2 bị hại (anh Toàn, anh Thắng) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tác động gia đình thi hành xong nghĩa vụ bồi thường giá trị 2 chiếc xe ô tô (550.000.000 đồng cho anh THT và 210.000.000 đồng cho anh ĐVT) theo Quyết định của bản án sơ thẩm.

Như vậy, đến nay bị cáo khắc phục xong toàn bộ nghĩa vụ bồi thường dân sự; bị hại, người liên quan có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản

2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo cũng đã thi hành xong toàn bộ án phí hình sự, dân sự; thể hiện sự ăn năn hối cải. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giảm một phần hình phạt cho Nguyễn Văn A.

[3] Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 343, Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Sửa phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H như sau:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn A 9 (chín) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/9/2020.

2. Ghi nhận Nguyễn Văn A đã nộp 34.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm theo Biên lai số 0000433 ngày 12/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/12/2022.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Công an tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu hồ sơ vụ án, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

